

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH DƯỢC NĂM 2017

Đợt xét tuyển: Đợt I

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm UT (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
1	30015470	NGUYỄN THỊ ÁI	184302922	06/06/1997	Nữ		1	8.60	9.00	9.75	28.75	2
2	29000005	NGUYỄN ĐẠI AN	187824384	26/11/1999	Nam		2NT	8.80	9.25	9.75	28.75	1
3	28010160	PHẠM THANH AN	174842613	13/06/1999	Nữ		1	9.40	9.00	8.75	28.75	1
4	28022403	ĐINH THỊ LAN ANH	174576530	23/09/1998	Nữ		2NT	9.60	9.25	10.00	29.75	2
5	28026201	ĐỖ THỊ VÂN ANH	038199000418	07/02/1999	Nữ		2NT	9.20	8.25	9.75	28.25	1
6	01036506	GIANG THỊ MINH ANH	001199005478	30/09/1999	Nữ		2	9.60	9.50	10.00	29.50	1
7	30004625	HÀ THỊ PHƯƠNG ANH	184384637	10/10/1999	Nữ		2	9.40	9.25	10.00	29.25	1
8	29028276	LÊ THỊ CẨM ANH	187807190	15/06/1999	Nữ		1	8.80	9.00	9.00	28.25	1
9	25006624	LƯƠNG THỊ VÂN ANH	036199003680	01/09/1999	Nữ		2NT	9.40	8.75	9.50	28.75	2
10	28027433	NGÔ THỊ QUỲNH ANH	038199003197	10/01/1999	Nữ		2NT	9.00	9.00	9.25	28.25	1
11	10000020	NGUYỄN MINH ANH	082323404	17/06/1999	Nữ	01	1	9.00	8.50	7.25	28.25	1
12	43001405	NGUYỄN THỊ ANH	285780045	14/04/1999	Nữ		1	9.40	8.50	9.50	29.00	1
13	30011783	NGUYỄN THỊ MAI ANH	184286328	20/02/1999	Nữ		2NT	9.40	9.00	9.00	28.50	1
14	21017749	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	142873174	10/11/1999	Nữ		2NT	9.80	9.00	9.75	29.50	1
15	01055905	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	001199014398	03/01/1999	Nữ		2	9.80	9.00	9.75	29.00	1
16	16004551	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	026199001794	10/02/1999	Nữ		2NT	9.20	9.00	9.25	28.50	1
17	21016406	NGUYỄN TUẤN ANH	142895554	07/09/1999	Nam		2NT	9.20	8.00	9.75	28.00	1
18	28009783	NGUYỄN TÙNG ANH	060099000028	10/02/1999	Nam		1	9.20	8.75	10.00	29.50	1
19	25007220	NGUYỄN VIỆT ANH	036099004037	01/10/1999	Nam		2NT	9.80	8.75	10.00	29.50	1
20	19002841	PHẠM ĐỖ NGUYỆT ANH	125813493	01/10/1999	Nữ		2NT	8.80	9.75	9.25	28.75	1
21	18009179	TÔ THỊ LAN ANH	122278482	18/06/1998	Nữ	06	1	8.60	9.00	8.75	28.75	2
22	18000737	TRẦN THỊ LAN ANH	122262664	27/01/1999	Nữ	01	1	9.20	8.00	9.50	30.25	1
23	26000972	TRẦN THỊ LAN ANH	152275802	04/02/1999	Nữ		2	9.40	8.75	9.50	28.25	1
24	01009336	TRIỆU HOÀNG ANH	022099000076	29/07/1999	Nam		3	10.00	9.25	10.00	29.25	2
25	28014405	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	174607547	01/03/1999	Nữ		2NT	8.80	9.25	9.25	28.25	1
26	12004020	NGUYỄN THỊ ÁNH	091759433	03/02/1998	Nữ	01	1	9.00	7.75	8.00	28.25	1
27	29023105	NGUYỄN THỊ ÁNH	187795956	19/10/1999	Nữ		1	9.40	9.50	9.50	30.00	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm UT (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
28	02039986	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	025868564	12/12/1999	Nữ		3	9.20	9.25	10.00	28.50	1
29	01054080	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	001199014639	02/07/1999	Nữ		2	9.60	9.00	10.00	29.00	1
30	16004565	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	026199001590	17/11/1999	Nữ		2NT	9.60	9.75	10.00	30.25	1
31	62001153	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	040828343	03/09/1999	Nữ		1	9.60	8.75	8.75	28.50	1
32	21016430	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	142893828	03/10/1999	Nữ		2NT	9.20	8.75	9.50	28.50	1
33	27004702	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	164645526	01/02/1999	Nữ		2NT	9.20	9.25	9.50	29.00	1
34	01022555	NGUYỄN XUÂN BÁCH	013621254	20/08/1999	Nam		2	9.60	9.00	10.00	29.00	1
35	01054086	LÊ THỊ NGỌC BÍCH	017439566	25/12/1999	Nữ		2	9.60	8.50	9.75	28.25	1
36	26004221	PHẠM THỊ NGỌC BÍCH	152249913	02/09/1999	Nữ		2NT	9.00	9.50	9.75	29.25	1
37	22007874	NGÔ ĐỨC CẢNH	145864112	02/08/1999	Nam		2NT	9.20	8.50	9.75	28.50	1
38	21005481	NGUYỄN THỊ HUYỀN CHANG	142940438	22/08/1999	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.50	28.75	1
39	29028300	NGUYỄN VĂN CHÁNH	187808425	10/06/1999	Nam		1	9.40	8.50	9.50	29.00	1
40	16000075	BÙI VĂN CHÍ	026098001064	10/12/1998	Nam		2NT	9.00	9.00	9.50	28.50	1
41	28025284	NGUYỄN XUÂN CHIẾN	175066986	12/02/1999	Nam		2NT	9.60	9.00	9.00	28.50	1
42	28015912	TRẦN THỊ TUYẾT CHINH	038199002699	29/04/1999	Nữ		2NT	8.80	8.75	9.75	28.25	2
43	19007485	NGUYỄN ĐỨC CHUÂN	125877604	08/01/1999	Nam		2NT	9.20	8.75	9.25	28.25	4
44	26004237	BÙI MINH CHUYÊN	152249925	30/07/1999	Nam		2NT	9.00	9.50	10.00	29.50	1
45	19013129	NGUYỄN THỊ CÚC	125815885	25/07/1999	Nữ		2NT	9.20	9.25	9.75	29.25	1
46	30014367	CÙ ĐÌNH CƯỜNG	184260179	25/06/1999	Nam		1	9.20	8.25	9.25	28.25	2
47	30007020	ĐẶNG VĂN CƯỜNG	184377583	02/02/1999	Nam		2NT	9.80	9.00	9.00	28.75	1
48	22000467	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	145880953	24/04/1999	Nam		2	9.00	9.75	9.25	28.50	1
49	26006166	TRẦN MẠNH CƯỜNG	152254621	22/03/1999	Nam		2NT	9.00	9.25	9.00	28.25	1
50	29004916	TRẦN MINH CƯỜNG	187737001	01/09/1999	Nam		2NT	9.40	8.75	10.00	29.25	1
51	21010918	ĐỖ BÁ ĐẠI	142867038	02/11/1999	Nam		2NT	9.20	9.50	8.50	28.25	1
52	28023224	LÊ PHẠM ĐẠI	038099001832	08/09/1999	Nam		1	9.80	8.25	9.00	28.50	1
53	19009361	VŨ ĐĂNG ĐẠI	125827583	19/04/1999	Nam		2NT	9.20	9.50	10.00	29.75	1
54	16004606	KHÔNG DUY ĐĂNG	026099000144	25/10/1999	Nam		2NT	9.60	9.50	9.50	29.50	2
55	16004600	ĐẶNG ĐÌNH ĐẠT	026099003098	18/06/1999	Nam		2NT	9.40	9.50	9.00	29.00	1
56	15000075	NGUYỄN ĐẠT	132373199	30/09/1999	Nam		2	9.20	9.75	9.00	28.50	1
57	26004292	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	152249198	20/07/1999	Nam		2NT	9.40	9.25	9.75	29.50	1
58	26004294	PHẠM QUỐC ĐẠT	034099003228	13/01/1999	Nam		2NT	9.80	9.75	10.00	30.50	1
59	22006751	LÊ THỊ DIỄM	145906032	11/12/1999	Nữ		2NT	8.80	9.00	9.50	28.25	1
60	26011377	NGUYỄN LƯƠNG ĐIỆN	152247396	26/01/1999	Nam		2NT	9.00	9.75	9.75	29.50	1
61	29030304	NGUYỄN THỊ DIỆU	187657376	12/10/1998	Nữ		2NT	8.80	9.25	9.25	28.25	2

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm UT (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
62	25016013	PHẠM VĂN ĐỊNH	036099006353	10/06/1999	Nam		2NT	9.40	8.50	9.50	28.50	1
63	08002483	HOÀNG VŨ THÚY DỊU	063485666	20/02/1999	Nữ	01	1	8.80	8.25	9.00	29.50	1
64	19006921	NGUYỄN THỊ DỊU	125865321	31/01/1999	Nữ		2NT	9.00	9.50	9.50	29.00	1
65	25000649	VŨ ĐỨC ĐỖ	036099006214	12/04/1999	Nam		2	9.20	8.25	10.00	28.00	1
66	28022014	LÊ VĂN DUẨN	038099000407	23/08/1999	Nam		2NT	9.60	9.00	9.50	29.00	1
67	01033815	ĐẶNG ĐÌNH ĐỨC	017448104	10/06/1999	Nam		3	9.80	9.50	10.00	29.25	1
68	08000114	NGUYỄN ANH ĐỨC	063491476	15/11/1999	Nam	01	1	8.60	8.25	9.25	29.50	1
69	01031705	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	001099006357	17/12/1999	Nam		2	9.00	8.50	10.00	28.00	3
70	29026031	NGUYỄN VĂN ĐỨC	187589459	03/05/1999	Nam		2	9.00	9.25	10.00	28.75	2
71	15008219	PHAN VĂN ĐỨC	132422238	28/01/1999	Nam		1	9.20	8.50	9.50	28.75	1
72	30004692	ĐẶNG LAN DUNG	184275016	01/08/1999	Nữ		2	9.20	9.50	9.50	28.75	1
73	28006115	LÊ THỊ DUNG	038199002818	28/10/1999	Nữ		1	9.00	8.00	9.75	28.25	1
74	01047908	NGUYỄN THỊ DUNG	001199012120	17/04/1999	Nữ		2	9.60	9.50	9.50	29.00	1
75	26003662	NGUYỄN THỊ THUY DUNG	038199002271	23/02/1999	Nữ		2NT	9.00	9.25	9.50	28.75	1
76	29022214	NGUYỄN THỊ THỦY DUNG	187636036	29/10/1999	Nữ		1	9.80	8.00	9.75	29.00	2
77	23005652	PHẠM THUY DUNG	113753754	14/12/1999	Nữ	01	1	9.00	8.00	7.75	28.25	1
78	01043160	TRẦN THỊ DUNG	001199016732	27/08/1999	Nữ		2	9.40	10.00	10.00	30.00	1
79	01015008	VŨ THUY DUNG	122276854	31/10/1999	Nữ		3	8.80	9.50	10.00	28.25	1
80	16004583	NGUYỄN MẠNH DŨNG	026099000415	15/11/1999	Nam		2NT	9.20	9.50	9.25	29.00	1
81	25016538	NGUYỄN THẾ DŨNG	036098003253	29/06/1998	Nam		2NT	8.60	9.25	9.50	28.25	2
82	08000081	NGUYỄN TIẾN DŨNG	063491504	19/11/1999	Nam		1	9.40	8.50	9.00	28.50	1
83	21012610	NGUYỄN TRUNG DŨNG	142913652	28/06/1999	Nam		2	10.00	9.00	10.00	29.50	1
84	28014862	TÔ ĐÌNH DŨNG	038099003283	19/05/1999	Nam		2NT	9.00	9.25	10.00	29.25	1
85	01071041	ĐÌNH THUY DƯƠNG	001198004865	22/09/1998	Nữ		2	9.60	9.25	9.00	28.25	1
86	27002199	PHẠM THUY DƯƠNG	164657315	04/08/1999	Nữ		1	8.80	9.25	9.00	28.50	1
87	01041177	LÊ MẠNH DUY	001099005521	07/11/1999	Nam		2	9.00	8.50	10.00	28.00	2
88	28012016	NGUYỄN THỊ DUYÊN	038199010594	16/10/1999	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.75	29.00	1
89	21001240	TRẦN THỊ DUYÊN	142922073	02/04/1999	Nữ		2NT	9.80	9.25	9.75	29.75	1
90	01059967	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	017523886	26/11/1999	Nữ		2	9.80	8.75	10.00	29.00	1
91	19009352	VŨ THỊ DUYÊN	125827594	16/08/1999	Nữ		2NT	9.40	8.50	9.25	28.25	1
92	16010383	ĐÀM HƯƠNG GIANG	026199002099	05/10/1999	Nữ	01	2	9.20	8.75	9.50	30.00	1
93	26013012	LÊ THỊ GIANG	152253127	08/08/1999	Nữ		2NT	10.00	8.50	8.75	28.25	4
94	18008060	NGUYỄN HOÀNG GIANG	122273974	18/02/1999	Nam	06	1	9.20	8.75	9.50	30.00	1
95	23007271	QUÁCH THỊ GIANG	113692143	09/09/1999	Nữ	01	1	8.80	8.50	7.75	28.50	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KV U'T	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm U'T (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
96	38000714	TRƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG	231268494	12/08/1999	Nữ		1	9.20	8.50	9.25	28.50	2
97	28007632	LƯƠNG THỊ HÀ	038199011650	25/02/1999	Nữ	01	1	8.00	9.00	8.75	29.25	1
98	22000514	LƯƠNG THỊ THU HÀ	145863681	16/12/1999	Nữ		2	9.80	9.25	10.00	29.50	2
99	30004737	NGUYỄN HỒNG HÀ	184356824	01/06/1999	Nữ		2	9.60	9.25	9.75	29.00	1
100	01028309	NGUYỄN THỊ THU HÀ	001199018419	10/12/1999	Nữ		2	9.00	9.50	9.25	28.25	1
101	03015208	NGUYỄN THU HÀ	031199003591	02/08/1999	Nữ		2	9.20	9.75	9.00	28.50	1
102	28026301	PHẠM THU HÀ	038199001933	04/11/1999	Nữ		1	8.80	9.00	9.50	28.75	1
103	29026053	TRẦN THỊ HÀ	187666822	15/05/1999	Nữ		2	9.60	9.25	9.50	28.75	1
104	27002210	TRẦN THỊ NGỌC HÀ	164638932	28/07/1999	Nữ		1	9.20	8.75	9.50	29.00	1
105	22000518	TRỊNH NGỌC HÀ	033199000707	22/03/1999	Nữ		2	9.60	9.25	9.75	29.00	1
106	25000138	VŨ THU HÀ	163434181	18/06/1999	Nữ		2	9.60	8.25	9.75	28.00	1
107	30011266	BÙI THỊ NHẬT HẠ	184373589	02/09/1999	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.25	28.50	1
108	27008596	LÊ THỊ MINH HẢI	019199000046	24/10/1999	Nữ		1	9.20	9.00	8.75	28.50	1
109	03015254	PHẠM THANH HẢI	032020520	04/07/1999	Nam		2	9.80	9.50	9.75	29.50	1
110	25014090	TRẦN THỊ HẢI	036199005078	18/07/1999	Nữ		2NT	9.00	9.00	9.75	28.75	1
111	21008304	VŨ DUY HẢI	030099000089	31/07/1999	Nam		2	9.60	8.75	9.75	28.50	1
112	25016035	ĐINH QUỐC HÁN	036099006470	27/04/1999	Nam		2NT	9.20	8.50	10.00	28.75	1
113	23004640	BÙI THỊ THANH HẰNG	113710931	13/09/1999	Nữ	01	1	8.20	8.50	8.50	28.75	2
114	30004749	CHU THÚY HẰNG	184364041	30/01/1999	Nữ		2	9.80	9.75	9.25	29.25	1
115	25000144	ĐỖ THỊ NHƯ HẰNG	036199000210	14/02/1999	Nữ		2	8.80	9.00	10.00	28.25	2
116	01028354	HOÀNG THỊ DIỆU HẰNG	013697247	20/11/1999	Nữ		2	9.60	9.25	9.50	28.75	1
117	15000117	LÊ THỊ THÚY HẰNG	132381226	09/09/1999	Nữ		2	9.20	9.25	9.50	28.50	2
118	25000146	LÊ THU HẰNG	036199008034	05/11/1999	Nữ		2	9.40	9.00	9.50	28.50	1
119	28029632	NGUYỄN BÁ THANH HẰNG	038199008287	11/04/1999	Nữ		2NT	8.80	9.25	10.00	29.00	1
120	16000212	NGUYỄN THỊ HẰNG	135874803	23/11/1998	Nữ		2NT	9.60	9.50	10.00	30.00	2
121	18015750	NGUYỄN THỊ HẰNG	122330904	03/09/1999	Nữ		2	9.40	9.75	10.00	29.75	2
122	27001848	NGUYỄN THỊ HẰNG	164657814	29/10/1999	Nữ		2NT	9.20	9.00	9.00	28.25	1
123	27007377	NGUYỄN THỊ HẰNG	164641550	30/01/1999	Nữ		1	9.20	8.75	9.50	29.00	1
124	28010996	NGUYỄN THỊ HẰNG	174974612	05/01/1999	Nữ		1	9.20	8.50	9.50	28.75	1
125	21002587	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	142932467	04/05/1999	Nữ		2NT	9.20	8.75	9.75	28.75	1
126	25010744	PHAN THỊ THÚY HẰNG	036199001182	01/10/1999	Nữ		2NT	9.60	9.00	9.00	28.50	1
127	09000215	TRẦN LÊ HẰNG	071047933	10/11/1999	Nữ		1	9.00	9.00	9.25	28.75	2
128	21005638	VŨ THỊ HẰNG	030199002559	19/05/1999	Nữ	04	2NT	9.20	8.50	8.75	29.50	1
129	15003458	VŨ THỊ LỆ HẰNG	132371284	14/08/1998	Nữ		1	9.60	9.00	8.25	28.25	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm UT (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
130	19011398	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	125831755	19/03/1999	Nam		2NT	9.80	9.75	9.75	30.25	1
131	30016559	PHAN THỊ HẠNH	184339549	07/02/1998	Nữ		2NT	9.60	9.00	8.75	28.25	1
132	25001393	VŨ THỊ HỒNG HẠNH	036199006841	15/01/1999	Nữ		2	9.20	8.50	9.75	28.00	1
133	10000116	VY THỊ HỒNG HẠNH	082341809	10/02/1999	Nữ	01	1	9.20	8.25	9.25	30.25	2
134	01058033	TRẦN THỊ HIẾU HẢO	001199017712	28/02/1999	Nữ		2	8.60	9.00	10.00	28.00	2
135	02068231	NGUYỄN ĐÌNH HẬU	231094486	05/07/1997	Nam	06	2	9.40	8.25	9.00	28.25	2
136	29021466	THIỆU THỊ HẬU	187719909	29/10/1998	Nữ		1	8.80	9.75	9.50	29.50	2
137	25004622	PHẠM THỊ THANH HIỀN	036199002702	28/01/1999	Nữ		2NT	9.80	9.50	9.00	29.25	1
138	19011929	HOÀNG THỊ HIỀN	125831774	19/09/1999	Nữ		2NT	9.20	9.00	9.75	29.00	1
139	16004647	KIM THỊ THANH HIỀN	026199001830	15/01/1999	Nữ		2NT	8.80	9.75	9.75	29.25	1
140	26010867	NGUYỄN THANH HIỀN	152250013	03/06/1999	Nữ		2NT	8.80	9.25	9.25	28.25	1
141	21006933	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	142886971	03/11/1999	Nữ		2NT	9.20	8.75	9.50	28.50	1
142	28014121	NGUYỄN THÚY HIỀN	038199001142	24/12/1999	Nữ		2NT	9.40	9.50	9.25	29.25	1
143	25001124	PHAN THỊ HIỀN	036198004804	25/03/1998	Nữ		2	9.40	9.00	9.75	28.75	1
144	28007057	KIỀU MINH HIẾU	038099002076	09/12/1999	Nam		1	9.00	9.50	9.50	29.50	1
145	29010886	LƯƠNG TRUNG HIẾU	187759299	09/11/1999	Nam	06	2NT	9.00	8.75	10.00	29.75	1
146	15008254	NGUYỄN MINH HIẾU	132364811	03/07/1999	Nam		1	9.00	8.75	10.00	29.25	1
147	19011938	NGUYỄN THỊ MINH HIẾU	125887561	08/09/1998	Nữ		2NT	9.00	9.50	9.00	28.50	1
148	21008350	NGUYỄN TRUNG HIẾU	030099000486	28/12/1999	Nam		2	9.40	8.50	9.75	28.25	2
149	16003555	PHẠM TRUNG HIẾU	026099003583	24/11/1999	Nam		1	8.80	9.00	9.50	28.75	3
150	01015222	TRẦN SĨ HIẾU	014099000020	02/06/1999	Nam		3	9.80	10.00	9.50	29.25	1
151	25000169	BÙI THỊ QUỲNH HOA	036199008512	29/06/1999	Nữ		2	9.20	9.25	9.25	28.25	1
152	08002595	CAO THỊ HOA	063484720	27/07/1999	Nữ	01	1	9.00	9.25	8.50	30.25	1
153	25000170	ĐẶNG THỊ THANH HOA	036199001725	11/06/1999	Nữ		2	9.60	9.25	10.00	29.25	2
154	03015440	ĐỖ THỊ HOA	031199002607	04/04/1999	Nữ		2	9.40	9.25	9.50	28.75	1
155	13003875	HOÀNG MINH HOA	061105182	08/03/1999	Nữ		1	9.40	9.25	10.00	30.25	1
156	18003488	NGUYỄN THỊ HOA	122345080	26/08/1999	Nữ		1	8.60	8.25	10.00	28.25	2
157	30006617	TRẦN THỊ KHÁNH HÒA	184354893	19/01/1999	Nữ		2NT	9.00	8.50	9.75	28.25	1
158	30009438	KIỀU THỊ HOÀI	184327290	15/03/1999	Nữ		2	9.40	9.00	9.50	28.50	2
159	25014136	MAI THỊ HOÀI	036199006274	11/03/1999	Nữ	06	2NT	9.00	8.50	9.25	28.75	1
160	30012482	LÊ THỊ HOÀN	184322972	06/10/1999	Nữ		1	9.40	8.50	8.75	28.25	2
161	29029492	NGUYỄN THỊ HOÀN	187745209	25/10/1999	Nữ		2NT	9.80	9.25	9.50	29.50	1
162	26013081	LƯU VIỆT HOÀNG	034099002033	29/01/1999	Nam		2NT	9.00	8.25	10.00	28.25	1
163	01035326	NGUYỄN HUY HOÀNG	017448544	14/08/1999	Nam		3	9.60	9.75	10.00	29.25	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KV U'T	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm U'T (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
164	22009049	NGUYỄN PHÚC HOÀNG	145890291	09/12/1999	Nam		2NT	9.80	9.50	10.00	30.25	1
165	28018034	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	038099002973	21/07/1999	Nam		2NT	9.80	9.00	9.75	29.50	1
166	04008439	TRẦN CÔNG HOÀNG	201776427	11/04/1999	Nam		3	9.60	9.25	9.75	28.50	1
167	01028465	LÊ THU HỒNG	013697348	02/12/1999	Nữ		2	9.00	9.75	9.75	29.00	1
168	25009172	NGUYỄN THỊ HỒNG	036199004440	22/05/1999	Nữ		2NT	9.60	9.25	9.25	29.00	1
169	30002032	TRẦN THỊ MAI HỒNG	184338361	25/04/1999	Nữ		1	8.80	8.25	9.75	28.25	1
170	26017464	VŨ MINH HỒNG	034199000206	03/07/1999	Nữ		2NT	9.00	8.75	9.50	28.25	1
171	21002645	ĐỖ NGỌC HUÂN	030099001494	24/07/1999	Nam		2NT	9.40	8.75	9.25	28.50	1
172	01072369	LÒ THỊ HUỆ	063453185	20/02/1998	Nữ	01	1	8.60	7.75	9.00	28.75	1
173	25013103	VŨ THỊ DIỆU HUỆ	036199003567	02/09/1999	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.00	28.25	1
174	25018119	BÙI THỊ HUỆ	036199007857	29/04/1999	Nữ		2NT	9.00	8.50	9.75	28.25	1
175	15010187	NGUYỄN MINH HUỆ	132383287	13/08/1999	Nữ	01	1	9.40	8.75	8.50	30.25	1
176	29004456	TRẦN THỊ HUỆ	187789717	14/10/1999	Nữ		2NT	9.40	8.75	10.00	29.25	1
177	01054269	PHẠM VĂN HÙNG	001099015485	27/08/1999	Nam		2	9.20	9.25	9.50	28.50	1
178	30015249	TRẦN MẠNH HÙNG	184303362	07/03/1999	Nam		1	9.80	9.75	8.50	29.50	1
179	29009152	VƯƠNG HOÀNG HÙNG	187857022	04/01/2000	Nam		2NT	9.20	9.00	9.75	29.00	1
180	19004567	NGUYỄN DUY HÙNG	125810424	11/04/1999	Nam	06	2	9.60	9.25	10.00	30.25	1
181	40014543	NGUYỄN VIỆT HÙNG	241717563	11/05/1999	Nam		1	8.60	9.75	10.00	29.75	1
182	26003208	BÙI THỊ MAI HƯƠNG	152249429	18/05/1999	Nữ		2NT	9.20	8.50	9.75	28.50	1
183	25005594	ĐÀO THỊ HƯƠNG	163439274	05/06/1998	Nữ		2NT	9.00	9.00	9.50	28.50	2
184	26013638	NGUYỄN THANH HƯƠNG	034199000298	22/10/1999	Nữ		2NT	9.00	10.00	9.25	29.25	1
185	16002838	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	135849367	03/04/1999	Nữ		2NT	8.40	9.25	9.50	28.25	1
186	28028203	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	175017048	18/12/1999	Nữ		1	9.40	8.25	9.00	28.25	2
187	29022315	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	187792281	20/09/1999	Nữ		1	9.60	9.25	9.00	29.25	1
188	28026414	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	038199000543	16/05/1999	Nữ		2NT	9.20	9.25	10.00	29.50	1
189	15004571	NGUYỄN THU HƯƠNG	132305000	14/12/1999	Nữ		1	9.60	8.50	9.00	28.50	1
190	18000126	NÔNG THỊ HƯƠNG	122298744	02/03/1999	Nữ	01	1	8.80	8.25	8.75	29.25	1
191	03005983	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	032015008	17/06/1999	Nữ		3	9.60	9.50	9.50	28.50	1
192	01028557	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG	013673967	18/04/1999	Nữ		2	9.80	9.00	10.00	29.25	1
193	28022132	TRƯƠNG THỊ HƯƠNG	038199003068	04/03/1999	Nữ		2NT	8.80	9.00	9.75	28.50	2
194	15003538	VŨ THÚY HƯƠNG	132374031	01/10/1999	Nữ		1	9.20	9.00	10.00	29.75	1
195	23000169	LÊ QUANG HUY	113687568	06/02/1999	Nam		1	9.60	9.50	9.50	30.00	1
196	19011462	NGUYỄN ĐỨC HUY	125887751	31/05/1999	Nam		2NT	9.40	9.50	9.25	29.25	1
197	18008744	PHẠM QUANG HUY	122334883	25/12/1999	Nam		1	9.60	8.75	9.75	29.50	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm UT (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
198	26001108	PHẠM QUANG HUY	152256499	03/03/1999	Nam		2	9.80	8.75	9.50	28.50	1
199	01015285	TRẦN ĐỖ QUANG HUY	101318583	29/06/1999	Nam		3	9.40	9.00	9.75	28.25	1
200	29030321	TRẦN VĂN HUY	187657352	05/09/1998	Nam		2NT	9.40	9.50	10.00	30.00	1
201	26018123	VŨ QUANG HUY	152252768	21/09/1999	Nam		2NT	9.80	8.50	9.00	28.25	1
202	01045703	VƯƠNG SỸ HUY	001099013300	14/05/1999	Nam		2	9.40	8.75	10.00	28.75	1
203	31009440	BÙI THỊ NGỌC HUYỀN	194589684	26/09/1999	Nữ		2	9.60	9.00	10.00	29.00	3
204	27004824	BÙI THỊ THANH HUYỀN	164645781	02/12/1999	Nữ		2NT	9.60	9.25	9.75	29.50	1
205	28006610	CÀM THỊ MINH HUYỀN	175007723	26/11/1998	Nữ	01	1	9.00	8.00	8.25	28.75	2
206	26006831	HOÀNG THỊ THANH HUYỀN	152254511	18/03/1999	Nữ		2NT	9.60	8.50	9.25	28.25	1
207	26006321	LÊ NGỌC HUYỀN	152245777	03/03/1999	Nữ		2NT	9.40	8.50	9.25	28.25	3
208	28025441	MỸ THỊ KHÁNH HUYỀN	175066984	22/06/1999	Nữ		2NT	9.20	9.00	9.00	28.25	1
209	26008296	NGÔ THỊ HUYỀN	152237870	12/11/1999	Nữ		2NT	9.00	9.00	9.25	28.25	1
210	29022305	NGUYỄN THỊ HUYỀN	187635475	05/08/1999	Nữ		1	8.60	8.25	10.00	28.25	2
211	30005307	NGUYỄN THỊ HUYỀN	184302556	29/04/1999	Nữ		2NT	9.20	9.00	9.50	28.75	2
212	63000158	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	245373003	20/03/1999	Nữ		1	9.00	8.00	10.00	28.50	1
213	62001282	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	040827602	26/08/1999	Nữ		1	8.60	9.00	9.25	28.25	1
214	16011222	PHAN THANH HUYỀN	026199004909	03/02/1999	Nữ	01	1	8.40	9.00	8.75	29.75	1
215	01028538	TRẦN THU HUYỀN	001199011834	31/07/1999	Nữ		2	9.20	8.75	9.75	28.25	2
216	19004565	TRẦN THU HUYỀN	125911046	11/12/1999	Nữ		2	9.40	9.50	10.00	29.50	1
217	08000255	TRỊNH MINH HUYỀN	063546054	24/12/1999	Nữ		1	8.80	8.75	9.25	28.25	1
218	23000193	ĐẶNG NGỌC KHÁNH	113687819	31/07/1999	Nữ	01	1	8.00	8.00	9.75	29.25	2
219	19007059	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	125853219	02/09/1999	Nữ		2NT	9.00	9.00	9.50	28.50	1
220	28009907	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	038099003175	02/09/1999	Nam	01	1	9.40	9.00	9.50	31.50	1
221	31003739	TRẦN KHÁNH	044099000190	02/03/1999	Nam		1	9.00	9.00	9.25	28.75	2
222	01015356	NGUYỄN ĐĂNG KIÊN	142960978	15/01/1999	Nam	06	3	9.60	8.75	9.50	28.75	1
223	21015033	TRẦN TRUNG KIÊN	142970693	04/06/1999	Nam		2NT	8.40	8.50	10.00	28.00	1
224	18015830	NGUYỄN THÀNH LÂM	122310134	05/10/1999	Nam		2	8.60	9.75	9.50	28.25	2
225	01062276	NGUYỄN VĂN LÂM	001099017881	29/03/1999	Nam		2	9.40	8.75	9.75	28.50	1
226	26017540	ĐÀO THỊ HÀ LAN	034199001325	21/07/1999	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.00	28.25	1
227	25007432	ĐỖ THỊ LAN	036199002941	16/06/1999	Nữ		2NT	9.80	9.00	10.00	29.75	1
228	16001255	HOÀNG THỊ LAN	026199002483	30/07/1999	Nữ		2	9.20	8.50	9.75	28.00	1
229	27008108	LÊ THỊ NGỌC LAN	164641730	21/04/1999	Nữ		1	8.80	9.00	9.75	29.00	1
230	24002091	TRẦN THỊ LAN	168601389	03/08/1998	Nữ		2NT	9.00	8.50	9.75	28.25	1
231	29022340	NGUYỄN THỊ MAI LIÊN	187792280	10/01/1999	Nữ		1	10.00	8.75	9.25	29.50	2

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KV U'T	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm U'T (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
232	07000215	ĐÀO THỊ THU LIỄU	045211104	25/07/1999	Nữ		1	8.80	9.25	8.75	28.25	1
233	22001257	PHẠM THỊ LIỄU	145895016	03/01/1999	Nữ		2NT	8.60	8.75	10.00	28.25	1
234	27000518	ĐINH THỊ LINH	164647982	23/05/1999	Nữ		1	9.00	7.75	10.00	28.25	1
235	23000208	ĐỖ KHÁNH LINH	113719725	13/12/1999	Nữ	01	1	9.40	8.50	9.00	30.50	1
236	19009553	ĐỖ THỊ LINH	125841286	12/05/1999	Nữ		2NT	9.40	9.00	10.00	29.50	1
237	28007767	HOÀNG LÊ DIỆU LINH	038199011622	25/12/1999	Nữ	01	1	8.80	9.25	6.75	28.25	1
238	26015978	HOÀNG QUANG LINH	152219295	06/07/1999	Nam		2NT	9.00	9.50	9.75	29.25	1
239	03006195	HOÀNG THỊ THÙY LINH	032018298	06/06/1999	Nữ		3	9.40	9.25	9.50	28.25	1
240	01022897	LẠI THÙY LINH	001199013145	06/12/1999	Nữ		2	9.20	8.50	10.00	28.25	1
241	21004167	LÊ NGỌC THÙY LINH	142960514	18/10/1999	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.00	28.25	1
242	28003069	LÊ THỊ KHÁNH LINH	038199001441	05/11/1999	Nữ		2	9.40	9.75	9.25	29.00	1
243	25013441	LÊ THỊ LINH	036198006920	14/06/1998	Nữ		2NT	9.20	8.50	9.75	28.50	1
244	28012142	LÊ THỊ LINH	038199004095	25/08/1999	Nữ		2NT	9.60	8.50	9.50	28.50	2
245	03006207	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	032015328	25/08/1999	Nữ		3	9.60	9.50	9.75	28.75	1
246	28014987	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	175030786	12/07/1999	Nữ		2NT	9.20	8.75	9.75	28.75	1
247	01036718	NGUYỄN BẢO LINH	001199014059	28/12/1999	Nữ		2	9.40	9.00	9.25	28.25	1
248	01062290	NGUYỄN KHÁNH LINH	001199018635	23/07/1999	Nữ		2	9.40	9.75	9.50	29.25	1
249	29023240	NGUYỄN LÂM HOÀI LINH	187796846	09/09/1999	Nữ		2NT	9.20	9.25	10.00	29.50	1
250	28002294	NGUYỄN LÊ DIỆU LINH	174980480	06/11/1999	Nữ		2	9.20	8.75	10.00	28.50	1
251	28016605	NGUYỄN MAI LINH	038199009278	06/02/1999	Nữ		2NT	10.00	9.25	9.25	29.50	1
252	26003855	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	034199001625	09/02/1999	Nữ	04	2NT	8.60	8.75	9.25	29.50	1
253	01060184	NGUYỄN THỊ KIỀU LINH	017523908	29/09/1999	Nữ		2	9.40	8.50	9.75	28.25	1
254	29028510	NGUYỄN THỊ LINH	187807018	09/04/1999	Nữ		1	9.00	7.50	10.00	28.00	1
255	30012031	NGUYỄN THỊ LINH	184304860	09/05/1999	Nữ		2NT	9.20	8.75	9.25	28.25	1
256	25015492	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	036199002029	30/10/1999	Nữ		2NT	9.00	9.75	9.75	29.50	1
257	25016192	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	036199006794	13/10/1999	Nữ		2NT	9.20	8.50	10.00	28.75	1
258	16001725	NGUYỄN THỊ TÚ LINH	026199000422	26/10/1999	Nữ		2	10.00	9.25	9.50	29.25	1
259	25014212	NGUYỄN THÙY LINH	036199004279	20/07/1999	Nữ		2NT	9.40	8.75	9.50	28.75	1
260	28021684	NGUYỄN THÙY LINH	038199004544	19/05/1999	Nữ		2NT	9.20	9.25	8.75	28.25	2
261	01045772	NGUYỄN VŨ LINH	001099014306	16/02/1999	Nam		2	9.40	9.75	10.00	29.75	1
262	22009627	PHẠM MỸ LINH	145884167	29/06/1999	Nữ		2NT	9.20	8.75	9.25	28.25	1
263	26009524	PHẠM PHƯƠNG LINH	152274595	07/05/1999	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.75	29.00	1
264	29023245	PHẠM THỊ KIỀU LINH	187796773	01/03/1999	Nữ		2NT	9.60	8.50	9.75	28.75	1
265	19000102	BÙI THỊ LOAN	125832157	04/11/1999	Nữ		2	9.40	9.25	9.75	29.00	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm UT (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
266	13000108	ĐỖ PHƯƠNG LOAN	061121691	26/05/1999	Nữ		1	9.60	8.75	10.00	29.75	2
267	21004183	NGUYỄN THỊ LOAN	142828221	28/02/1999	Nữ		2NT	9.20	9.50	9.25	29.00	1
268	19007749	NGUYỄN ĐỨC LỘC	125877611	05/11/1999	Nam		2NT	8.80	8.75	10.00	28.50	1
269	24000566	ĐINH TRẦN BẢO LONG	168595343	31/08/1999	Nam		2	9.00	9.00	9.75	28.25	1
270	01062307	LÊ HẢI LONG	001099018320	30/07/1999	Nam		2	9.80	9.50	10.00	29.75	1
271	29007338	CAO THÀNH LỰC	187803369	05/09/1999	Nam		2NT	9.20	8.25	9.75	28.25	1
272	23000998	BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG	113687455	10/03/1999	Nữ	01	1	9.00	8.50	9.50	30.50	1
273	15003998	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	132373499	11/05/1999	Nam		1	9.00	9.25	9.50	29.25	1
274	17008247	VŨ THỊ LUYẾN	022199001457	31/10/1999	Nữ		1	9.60	8.75	9.75	29.50	1
275	26018187	NGÔ THỊ HƯƠNG LY	034199000659	22/07/1999	Nữ		2NT	8.80	8.75	9.75	28.25	1
276	26013186	TRẦN KHÁNH LY	034199000436	01/08/1999	Nữ		2NT	9.80	8.75	10.00	29.50	1
277	29016790	HỒ THỊ LÝ	187755268	02/05/1999	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.00	28.25	2
278	29026300	LÊ THỊ HẢI LÝ	187759090	23/03/1999	Nữ		2	9.20	9.25	9.75	28.75	1
279	24003079	NGUYỄN DIỆU LÝ	168604904	13/08/1999	Nữ		2NT	8.60	9.00	9.75	28.25	1
280	15008341	ĐẶNG THỊ HỒNG MAI	132363478	01/01/1999	Nữ		1	9.20	9.00	10.00	29.75	2
281	29026302	ĐẬU THỊ THANH MAI	187818427	26/04/1999	Nữ		2	9.20	8.75	9.75	28.25	1
282	21001482	HOÀNG THỊ MAI	142922194	07/09/1999	Nữ	06	2NT	8.80	9.25	9.00	29.00	1
283	17009625	NGUYỄN THỊ MAI	022199002320	29/12/1999	Nữ		2	9.80	9.25	9.75	29.25	1
284	28024454	NGUYỄN THỊ MAI	175067884	12/08/1999	Nữ		2NT	8.80	9.00	9.75	28.50	1
285	26004512	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	152262198	01/05/1999	Nữ		2NT	9.20	8.25	10.00	28.50	1
286	27006139	PHẠM THỊ PHƯƠNG MAI	164656738	28/05/1999	Nữ		1	9.40	8.75	9.00	28.75	1
287	30012067	TRẦN THỊ HOA MAI	184304421	11/11/1999	Nữ		2NT	9.40	9.00	9.25	28.75	1
288	15000231	QUẦN ĐỨC MẠNH	132441127	15/04/1999	Nam		2	9.80	9.25	9.75	29.25	1
289	28010712	HOÀNG THỊ HÀ MI	038199005101	02/09/1999	Nữ	01	1	9.20	7.50	9.50	29.75	1
290	36000174	LÊ NGỌC MINH	233260240	13/11/1999	Nữ		1	9.20	8.00	10.00	28.75	1
291	01028883	NGUYỄN BÌNH MINH	013687078	25/05/1999	Nữ		2	9.60	8.75	10.00	28.75	1
292	01013732	NGUYỄN HẢI MINH	017476415	24/07/1999	Nam		3	9.60	8.75	9.75	28.00	1
293	01062333	NGUYỄN VĂN ĐÌNH MINH	001099013931	02/10/1999	Nam		2	9.20	9.00	9.50	28.25	1
294	21002800	VŨ HẢI MINH	142931361	12/11/1999	Nam		2NT	9.20	9.50	9.25	29.00	1
295	08000985	ĐẶNG THỊ MƠ	063492252	23/04/1999	Nữ	01	1	9.80	8.50	7.75	29.50	1
296	19000616	NGUYỄN HÀ MY	125806693	28/08/1999	Nữ		2	9.00	9.00	9.75	28.25	1
297	25016232	NGUYỄN THỊ HÀ MY	036199006773	19/05/1999	Nữ		2NT	9.60	9.25	9.25	29.00	1
298	19007113	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	125894077	22/12/1999	Nữ		2NT	9.60	9.00	10.00	29.50	1
299	15007162	NGUYỄN TRÀ MY	132397785	08/08/1999	Nữ		2NT	9.00	8.75	9.50	28.25	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KV U'T	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm U'T (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
300	30005834	TRẦN THỊ MỸ	184336175	12/08/1999	Nữ		2NT	9.20	8.75	9.25	28.25	1
301	29023904	HỒ VIỆT NAM	187817949	30/09/1999	Nam		2	9.00	9.25	9.50	28.25	1
302	24004398	NGUYỄN VĂN NAM	035099001913	05/08/1999	Nam		2NT	9.40	9.00	9.50	29.00	1
303	28007819	TRỊNH NGỌC NAM	038099002927	14/03/1999	Nam		1	10.00	9.75	9.75	31.00	1
304	28005535	TRỊNH TUẤN NAM	038099001916	10/07/1999	Nam		1	8.60	9.50	9.00	28.50	1
305	19004686	VŨ VIỆT NAM	125819094	08/09/1999	Nam		2	9.20	9.50	9.50	28.75	1
306	19003274	HÀ THỊ NGÀ	125817245	20/01/1999	Nữ		2NT	9.40	8.75	9.50	28.75	1
307	28020198	LÊ THỊ NGÀ	038199004391	11/07/1999	Nữ		2NT	8.80	8.75	9.75	28.25	1
308	12000396	NGUYỄN HẰNG NGÀ	073482199	24/03/1999	Nữ	01	1	8.80	9.00	9.00	30.25	1
309	16000435	NGUYỄN THỊ NGÀ	026198002658	16/11/1998	Nữ		2NT	9.20	8.50	10.00	28.75	1
310	21005215	NGUYỄN THỊ NGÀ	142887401	14/09/1999	Nữ		2NT	9.20	9.00	9.50	28.75	1
311	30016637	NGUYỄN THỊ NGÀ	184343078	15/10/1998	Nữ	06	2	9.00	8.75	9.25	28.50	2
312	01060231	NGUYỄN THỊ THU NGÀ	001199013843	24/08/1999	Nữ		2	9.60	9.00	9.50	28.50	1
313	21007115	PHẠM THỊ NGÀ	142886641	03/11/1999	Nữ		2NT	9.60	9.00	9.75	29.25	2
314	22009678	PHẠM THỊ NGÀ	145871655	24/02/1999	Nữ		2NT	9.40	9.00	10.00	29.50	1
315	25010194	VŨ THỊ THANH NGÀ	163448416	01/02/1999	Nữ		2NT	9.20	8.25	10.00	28.50	1
316	29000728	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	187730995	02/09/1999	Nữ		2NT	8.80	8.75	9.75	28.25	1
317	01036781	BÙI THỊ NGÂN	001199007861	14/09/1999	Nữ	06	2	9.60	8.00	9.25	28.25	2
318	28030531	HOÀNG THỊ NGÂN	038199008884	26/03/1999	Nữ		2NT	8.40	9.00	9.75	28.25	1
319	26001222	NGUYỄN KHÁNH NGÂN	152222115	12/03/1999	Nữ		2	9.60	8.75	10.00	28.75	1
320	25016244	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	036199006790	03/02/1999	Nữ		2NT	8.80	9.25	9.50	28.50	1
321	24004405	TRẦN THỊ NGÂN	035199000687	20/09/1999	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.75	29.00	1
322	29006520	TRẦN THỊ THÚY NGÂN	231337632	05/05/1999	Nữ		1	8.40	9.00	9.50	28.50	1
323	29023918	TÙ THỊ KIM NGÂN	184328863	30/04/1999	Nữ		2	9.40	8.75	9.50	28.25	2
324	21018107	VŨ THỊ NGÂN	142874183	14/01/1999	Nữ		2NT	9.60	8.50	9.75	28.75	1
325	25006985	HOÀNG THỊ NGOAN	036199003526	04/03/1999	Nữ		2NT	9.40	8.75	10.00	29.25	1
326	22009681	CAO KỶ NGỌC	145884215	20/01/1999	Nam		2NT	8.80	8.75	10.00	28.50	1
327	18005821	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	122315106	12/11/1999	Nữ		1	9.60	9.00	9.50	29.50	1
328	30012103	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	184304881	10/03/1999	Nữ		2NT	9.20	9.25	9.00	28.50	1
329	01058264	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	001199019861	10/06/1999	Nữ		2	9.40	9.00	9.25	28.25	1
330	30012111	VÕ THỊ BÍCH NGỌC	184337183	26/08/1999	Nữ		2NT	9.40	9.50	9.25	29.25	1
331	26001228	VŨ THỊ BÍCH NGỌC	152222133	01/10/1999	Nữ		2	9.40	9.00	9.25	28.25	2
332	40003958	VŨ THỊ HỒNG NGỌC	241812188	14/07/1999	Nữ		1	9.40	8.75	9.25	29.00	1
333	28022228	ĐINH TRỌNG NGUYỄN	038099004598	24/07/1999	Nam		2NT	10.00	8.75	9.50	29.25	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KV U'T	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm U'T (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
334	19011589	NGUYỄN BÌNH NGUYỄN	125875671	21/02/1999	Nam		2NT	9.40	9.50	10.00	30.00	1
335	26013242	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	152265293	21/04/1999	Nữ		2NT	9.60	9.50	8.50	28.50	1
336	27006171	PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	037199000268	18/06/1999	Nữ		2NT	9.40	9.50	8.75	28.75	1
337	26015475	LÊ BÍCH NHÀI	152251601	25/01/1999	Nữ		2NT	9.00	9.00	9.50	28.50	1
338	28012216	NGUYỄN KHẮC NHÀN	038099009473	28/04/1999	Nam		2NT	8.80	8.75	9.75	28.25	1
339	24000210	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	035199001071	16/01/1999	Nữ		2	9.20	9.25	9.75	28.75	1
340	22001327	PHAN THỊ THANH NHÀN	145879912	14/06/1999	Nữ		2NT	9.00	8.75	9.75	28.50	1
341	30007395	LÊ THỊ NHÂN	184341106	20/02/1999	Nữ	06	1	8.60	8.75	9.00	28.75	1
342	29026394	HOÀNG THỊ ÁNH NHẬT	187847073	06/09/1999	Nữ		2	9.40	10.00	9.50	29.50	1
343	19006579	NGUYỄN TIẾN NHẬT	125882348	05/02/1999	Nam		2NT	9.40	9.00	9.25	28.75	1
344	26013756	NGUYỄN THỊ NHI	152270017	07/10/1999	Nữ		2NT	9.60	8.50	9.25	28.25	1
345	28028738	VŨ THỊ HOÀI NHI	174729900	31/05/1999	Nữ		1	8.80	9.00	9.50	28.75	1
346	40016361	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	241791650	03/03/1999	Nữ		1	9.20	8.25	9.50	28.50	1
347	29028586	PHAN THỊ NHƯ	187807844	15/02/1999	Nữ		1	9.20	8.75	10.00	29.50	1
348	19012117	NGUYỄN KHÁNH NHUNG	125903246	12/12/1999	Nữ		2NT	9.40	8.50	9.50	28.50	2
349	16006523	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	026199000288	19/04/1999	Nữ		2NT	9.40	9.00	9.25	28.75	1
350	28024039	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	038199001748	02/10/1999	Nữ		2NT	9.80	9.25	9.75	29.75	1
351	19011601	ĐỖ AN NINH	125856573	23/04/1999	Nam		2NT	9.00	9.25	9.00	28.25	1
352	26008441	LÊ THỊ NINH	152237929	08/02/1999	Nữ		2NT	9.20	8.75	9.75	28.75	1
353	01052595	TRẦN THỊ NỤ	017496377	07/12/1999	Nữ		2	9.80	9.00	9.25	28.50	1
354	19012850	VŨ THỊ NỤ	125885731	22/12/1999	Nữ		2NT	9.40	8.75	9.75	29.00	1
355	26008443	HOÀNG THỊ OANH	152275493	24/08/1999	Nữ		2NT	9.00	9.25	9.00	28.25	1
356	29022395	HOÀNG THỊ OANH	187796082	22/01/1999	Nữ		1	9.40	9.25	9.50	29.75	1
357	19009682	NGÔ THỊ KIỀU OANH	125827562	24/08/1999	Nữ		2NT	9.20	9.00	9.50	28.75	1
358	21005957	NGUYỄN THỊ OANH	030199002631	11/02/1999	Nữ		2NT	9.00	9.50	10.00	29.50	1
359	01054843	TRẦN THỊ PHẤN	001199014421	30/10/1999	Nữ		2	9.60	9.00	9.25	28.25	1
360	30012152	ĐINH QUANG PHÚ	184337018	06/11/1999	Nam		2NT	9.20	9.75	10.00	30.00	1
361	25014304	ĐỖ HOÀNG PHÚC	036099008185	02/03/1999	Nam		2NT	9.60	8.50	9.75	28.75	1
362	27003907	PHẠM ĐẶNG ANH PHÚC	037098000843	10/05/1998	Nam		2	9.80	9.25	10.00	29.50	1
363	01029025	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	013687343	06/10/1999	Nữ		2	9.00	9.50	9.25	28.25	1
364	16004442	ĐOÀN THỊ THANH PHƯƠNG	026199002856	17/09/1999	Nữ		1	9.00	9.50	9.50	29.50	1
365	28002405	HOÀNG ĐÌNH PHƯƠNG	174520941	09/08/1999	Nam		2	9.60	9.00	9.25	28.25	1
366	01029028	LÊ THU PHƯƠNG	013697357	23/12/1999	Nữ		2	9.60	9.00	9.75	28.75	1
367	28006418	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	038199003061	11/06/1999	Nữ		1	9.80	9.25	10.00	30.50	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm UT (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
368	28022539	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	174575462	13/06/1998	Nữ		1	9.60	8.75	9.50	29.25	2
369	19006621	NGUYỄN THU PHƯƠNG	125878817	06/12/1999	Nữ		2NT	9.20	9.50	9.00	28.75	1
370	29023495	PHAN THỊ PHƯƠNG	187792597	02/09/1998	Nữ		2NT	9.20	8.50	9.75	28.50	1
371	28004323	TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG	038199002309	26/04/1999	Nữ		1	9.00	9.25	9.50	29.25	2
372	30006790	TRẦN THỊ PHƯƠNG	184354818	26/05/1999	Nữ		2NT	9.80	9.00	9.75	29.50	2
373	21009341	LƯƠNG THỊ HẢI PHƯƠNG	142896131	28/09/1997	Nữ		2NT	9.00	9.25	9.75	29.00	1
374	19003359	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	125817786	19/01/1999	Nữ		2NT	9.60	8.50	9.75	28.75	1
375	01045876	BÙI VĂN QUANG	001099004251	08/10/1999	Nam		2	9.60	8.50	9.75	28.25	1
376	01013934	LÊ VINH QUANG	001099002065	19/06/1999	Nam		3	9.40	9.25	9.75	28.50	1
377	24000236	TRẦN MINH QUANG	035099002028	21/12/1999	Nam		2	9.80	9.25	9.00	28.50	1
378	25004469	VŨ ĐỨC QUÝ	163229577	24/09/1995	Nam		2NT	9.40	7.75	9.75	28.00	1
379	25000384	LÊ THỊ HỒNG QUYÊN	036199008151	07/05/1999	Nữ		2	9.60	8.75	9.50	28.25	1
380	18007236	LƯƠNG THỊ QUYÊN	122282334	13/04/1998	Nữ		1	9.80	8.25	9.00	28.50	2
381	19003376	NGÔ THỊ QUYÊN	125813752	01/04/1999	Nữ		2NT	10.00	8.25	9.50	28.75	1
382	19000147	NGUYỄN THỊ QUYÊN	125872666	27/03/1999	Nữ		2	9.40	8.50	10.00	28.50	1
383	01015897	HOÀNG NHƯ QUỲNH	001199010965	08/05/1999	Nữ		3	8.80	9.25	10.00	28.00	1
384	62001412	LÒ THỊ QUỲNH	040829787	06/10/1999	Nữ	01	1	8.40	7.50	9.75	29.25	1
385	29000771	NGUYỄN THỊ ANH QUỲNH	187730922	28/02/1999	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.50	28.75	2
386	29009858	NGUYỄN THỊ MAI QUỲNH	187813325	09/09/1999	Nữ		2NT	9.00	8.75	10.00	28.75	2
387	25004840	BÙI XUÂN SANG	036099006783	26/06/1999	Nam		2NT	9.40	8.75	9.75	29.00	1
388	22010972	LÊ THỊ SAO	145871809	19/12/1999	Nữ		2NT	9.60	8.50	9.50	28.50	1
389	13000143	NGUYỄN THỊ HỒNG SEN	061101464	01/12/1999	Nữ		1	8.80	9.25	9.00	28.50	1
390	18013450	ĐỖ THỊ SINH	122281030	17/12/1999	Nữ		2NT	9.00	8.75	10.00	28.75	1
391	25008880	BÙI VĂN SƠN	036099003885	21/11/1999	Nam		2NT	9.00	8.75	9.50	28.25	1
392	01001842	NGUYỄN CÔNG SƠN	013622131	09/01/1999	Nam		3	10.00	8.75	9.75	28.50	1
393	01071785	NGUYỄN HỒNG SƠN	013400757	10/02/1997	Nam		2	9.40	8.50	9.75	28.25	1
394	29021287	NGUYỄN THỊ HỒNG TAM	187797141	02/01/1999	Nữ		1	8.20	9.25	9.75	28.75	2
395	28024549	HỒ NHƯ TÂN	175067868	24/11/1999	Nam		1	10.00	9.75	9.25	30.50	1
396	26001284	HÀ HUY THÁI	152253785	06/04/1999	Nam		2	9.60	9.75	9.75	29.50	1
397	19009749	NGUYỄN VIỆT THÁI	125801640	10/09/1999	Nam		2NT	9.80	9.50	10.00	30.25	1
398	27006223	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	164654620	02/08/1999	Nam		2NT	9.40	10.00	9.50	30.00	1
399	15006751	NGUYỄN VIỆT THẮNG	132319571	21/10/1999	Nam		1	8.40	8.50	9.75	28.25	2
400	25001707	PHẠM ĐỨC THẮNG	163446371	15/07/1999	Nam		2	9.60	8.75	9.50	28.25	1
401	28029393	TRƯƠNG CÔNG THẮNG	175011443	17/01/1999	Nam		2NT	9.20	9.25	9.25	28.75	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KV U'T	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm U'T (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
402	28004376	LÊ THỊ VÂN THANH	038199003251	04/08/1999	Nữ		2	9.20	9.00	9.50	28.25	2
403	29009896	NGUYỄN THỊ HOÀI THANH	187812296	14/04/1999	Nữ		2NT	9.40	8.75	9.75	29.00	1
404	34005815	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	206266168	06/10/1999	Nam		2NT	9.00	8.75	9.75	28.50	1
405	30005441	HOÀNG LƯƠNG THÀNH	184256716	12/05/1999	Nam		2NT	9.20	8.75	9.75	28.75	1
406	28024555	MAI TUẤN THÀNH	175067871	05/06/1999	Nam		2NT	8.80	9.50	9.50	28.75	1
407	01029150	NGUYỄN MINH THÀNH	013684412	21/09/1999	Nam		2	9.20	9.75	10.00	29.50	1
408	28014267	NGUYỄN TUẤN THÀNH	038099002173	10/01/1999	Nam	06	2NT	9.60	8.75	8.75	29.00	1
409	30012248	PHAN XUÂN THÀNH	184362650	10/10/1999	Nam		2NT	9.60	8.50	9.50	28.50	1
410	29030655	THÁI VĂN THÀNH	187741735	30/04/1999	Nam		2NT	9.40	9.50	8.50	28.50	1
411	03007381	TRẦN TRUNG THÀNH	031999970	15/11/1999	Nam		3	9.60	9.75	10.00	29.25	1
412	28024562	BÙI PHƯƠNG THẢO	175067869	14/05/1999	Nữ		1	9.20	9.25	9.50	29.50	1
413	28001176	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	027199000074	24/09/1999	Nữ		2	9.80	9.00	9.50	28.75	1
414	25004297	HOÀNG THỊ THẢO	036199006942	01/03/1999	Nữ		2NT	9.00	9.25	9.00	28.25	2
415	24000252	LÊ PHƯƠNG THẢO	035199000302	21/01/1999	Nữ		2	9.60	9.75	9.75	29.50	1
416	22003849	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	145880841	23/10/1999	Nữ		2NT	9.60	9.00	9.75	29.25	1
417	18011343	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	122285177	18/10/1999	Nữ		1	9.00	8.75	9.50	28.75	1
418	26001302	NGUYỄN THỊ THẢO	152275360	20/03/1999	Nữ		2	9.20	9.25	9.50	28.50	1
419	29011064	NGUYỄN THỊ THẢO	187759230	24/01/1999	Nữ		2NT	9.20	9.00	10.00	29.25	1
420	21005322	NGUYỄN THỊ THU THẢO	142961139	30/08/1999	Nữ		2NT	9.40	8.50	9.50	28.50	1
421	01072683	NGUYỄN THU THẢO	001198006715	16/06/1998	Nữ		2	9.80	8.50	9.50	28.25	2
422	29002944	PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	187776777	01/06/1999	Nữ		1	9.20	9.25	9.25	29.25	1
423	19009783	TRẦN THU THẢO	125844677	08/02/1999	Nữ		2NT	9.40	9.00	9.50	29.00	1
424	15006071	VŨ PHƯƠNG THẢO	132379576	30/11/1999	Nữ		1	9.40	8.50	9.50	29.00	1
425	23004075	NGUYỄN KHẮC THIÊN	033099001454	17/09/1999	Nam		1	9.60	9.25	10.00	30.25	1
426	01046600	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	017545283	11/08/1999	Nam		2	9.40	8.50	9.75	28.25	1
427	26014354	TRẦN THỊ THO	152221992	13/03/1999	Nữ		2NT	10.00	8.75	9.25	29.00	1
428	01046603	NGUYỄN THỊ THOÀ	017471576	25/04/1999	Nữ		2	9.40	9.50	10.00	29.50	1
429	29024062	NGUYỄN THỊ THOÀ	184372778	20/12/1999	Nữ		2	9.40	8.75	9.75	28.50	2
430	01071924	VŨ KIM THOÀ	163419655	24/08/1997	Nữ		2NT	9.20	8.75	10.00	29.00	1
431	19007197	BÙI THỊ THƠM	125853215	05/11/1999	Nữ		2NT	9.40	9.25	9.00	28.75	1
432	23001063	PHẠM THỊ THƠM	113687416	18/04/1999	Nữ	01	1	8.40	8.25	8.00	28.25	1
433	01056536	NGÔ GIAO THÔNG	001099012332	13/02/1999	Nam		2	9.60	9.00	9.50	28.50	2
434	19009801	BÙI THỊ THU	125871054	23/10/1999	Nữ		2NT	9.00	9.75	8.75	28.50	1
435	28025675	MAI THỊ THU	175066975	14/02/1999	Nữ		2NT	9.20	9.25	9.50	29.00	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT U'T	KV U'T	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm U'T (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
436	27006232	NGUYỄN THỊ LỆ THU	164654617	01/07/1999	Nữ		2NT	9.80	9.75	9.00	29.50	1
437	28008973	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THU	038199009516	15/02/1999	Nữ		1	9.20	8.75	9.25	28.75	2
438	29026523	TRẦN THỊ MINH THU	187512977	01/11/1999	Nữ		2	9.80	9.25	10.00	29.50	1
439	29004668	BÙI THỊ THU'	187624411	08/04/1999	Nữ		1	9.40	8.50	9.50	29.00	2
440	29006193	ĐẶNG QUỲNH THU'	187788381	26/11/1998	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.00	28.25	1
441	07000729	PHẠM THỊ MINH THU'	045178497	05/11/1998	Nữ		1	9.00	8.50	9.50	28.50	1
442	26014737	ĐỖ THỊ HUYỀN THƯƠNG	034199001261	10/11/1999	Nữ		2NT	9.80	9.00	8.75	28.50	1
443	21001669	HOÀNG THỊ THƯƠNG	142922359	03/11/1999	Nữ		2NT	9.40	8.75	9.75	29.00	1
444	29023361	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	187796694	06/11/1999	Nữ		2NT	9.40	9.00	9.25	28.75	1
445	19009831	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	125861512	08/11/1999	Nữ		2NT	9.40	9.00	9.00	28.50	1
446	29023363	TRẦN THỊ HOÀI THƯỜNG	187795973	02/01/1999	Nữ		2NT	9.40	8.75	9.00	28.25	1
447	12000532	HỒ THỊ THƯỜNG	063484712	25/04/1999	Nữ	01	1	9.00	8.00	8.50	29.00	1
448	29028703	NGUYỄN THỊ THUỶ	187807485	22/01/1999	Nữ		1	8.80	8.75	9.25	28.25	1
449	16003047	PHẠM THỊ THU THUỶ	026199001355	26/02/1999	Nữ		2NT	8.60	9.00	9.75	28.25	1
450	28009239	LÊ THỊ THÚY	174884127	18/05/1998	Nữ	01	1	8.00	8.75	9.25	29.50	2
451	30009107	TÔN THỊ THÚY	184367199	14/12/1999	Nữ		2NT	9.80	8.50	9.25	28.50	1
452	25000996	BÙI THU THUỶ	163389945	23/10/1999	Nữ		2	9.40	9.50	9.25	28.75	1
453	25007640	NGUYỄN THỊ THU THUỶ	036199004228	04/02/1999	Nữ		2NT	9.20	8.75	9.75	28.75	1
454	18008979	PHẠM THỊ MINH THUỶ	122294303	31/07/1999	Nữ		1	9.00	8.75	9.75	29.00	1
455	26018836	PHẠM THỊ THUỶ	034199000947	12/03/1999	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.75	29.00	2
456	27002156	ĐÀO MINH THUỶ	164633557	11/05/1998	Nữ		2NT	9.00	9.75	9.75	29.50	1
457	30013771	HÀ THỊ THUỶ	184355807	16/12/1999	Nữ		1	9.40	8.25	9.25	28.50	1
458	29004654	HỒ THỊ THUỶ	187789849	31/08/1999	Nữ		2NT	8.80	9.50	10.00	29.25	2
459	28033427	LIÊU THỊ THUỶ	175041822	06/09/1999	Nữ		2NT	9.00	9.25	10.00	29.25	1
460	28027816	NGÔ THU THUỶ	038199000919	08/12/1999	Nữ		2NT	9.80	8.75	9.75	29.25	1
461	26006000	TRẦN THỊ THU THUỶ	152254446	01/08/1999	Nữ		2NT	9.20	8.00	10.00	28.25	1
462	40012648	BÙI VĂN TIẾN	241822708	06/11/1999	Nam		1	9.80	9.25	9.75	30.25	1
463	02041689	LÊ MẠNH TIẾN	241694890	30/08/1999	Nam		1	9.60	8.50	9.75	29.25	2
464	01063143	ĐOÀN BÁ TIỆP	001099018307	08/01/1999	Nam		2	10.00	9.00	9.25	28.75	2
465	19003495	NGÔ VĂN TIỆP	125813817	06/01/1999	Nam		2NT	9.60	8.75	10.00	29.25	1
466	62001490	TRẦN ĐỨC TOÀN	040828373	26/08/1999	Nam		1	9.40	8.75	9.25	29.00	1
467	25016440	NGÔ THU TRÀ	036199006792	03/12/1999	Nữ		2NT	9.40	8.00	9.75	28.25	1
468	25003603	ĐẶNG THỊ THU TRANG	036199003326	25/12/1999	Nữ		2NT	9.00	8.75	10.00	28.75	1
469	15005798	ĐÀO THỊ HUYỀN TRANG	132378769	18/10/1999	Nữ		1	8.60	9.25	9.25	28.50	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm UT (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
470	26007056	DIỆP THỊ MINH TRANG	152254493	15/04/1999	Nữ		2NT	8.80	9.50	9.25	28.50	1
471	28008997	DƯƠNG THỊ THU TRANG	174886622	05/07/1999	Nữ		1	9.00	9.50	9.00	29.00	2
472	29023373	HÀ THỊ HOÀI TRANG	187796823	19/09/1999	Nữ		1	9.00	8.50	9.50	28.50	1
473	24003196	HOÀNG THỊ THU TRANG	035199002433	30/07/1999	Nữ		2NT	9.20	9.00	9.25	28.50	1
474	62001501	NGÔ ĐẶNG HUYỀN TRANG	040489845	21/10/1999	Nữ		1	9.00	8.75	9.00	28.25	1
475	19003514	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	125813747	01/01/1999	Nữ		2NT	9.20	8.75	9.50	28.50	1
476	01016036	NGUYỄN HÀ TRANG	013640569	17/07/1999	Nữ		3	9.20	9.25	10.00	28.50	1
477	29026541	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH TRANG	187699731	07/05/1999	Nữ		2	9.40	8.75	9.75	28.50	1
478	25012847	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	036199003416	12/10/1999	Nữ		2NT	9.60	8.50	10.00	29.00	1
479	29021379	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	187797149	12/02/1999	Nữ		1	9.80	8.50	9.00	28.75	1
480	22000685	NGUYỄN THỊ LINH TRANG	145901160	03/01/1999	Nữ		2	9.20	8.50	9.75	28.00	1
481	29000860	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	187824272	18/12/1999	Nữ		2NT	9.20	8.75	9.50	28.50	1
482	23005462	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	113734008	09/11/1999	Nữ	01	1	8.40	7.75	8.50	28.25	1
483	29002983	NGUYỄN THỊ TRANG	187823621	26/04/1999	Nữ		1	9.20	8.75	8.75	28.25	1
484	19007225	PHẠM THỊ THU TRANG	125853223	29/10/1999	Nữ		2NT	9.80	8.75	10.00	29.50	2
485	21011377	PHẠM THỊ THU TRANG	142865666	28/06/1999	Nữ		2NT	8.80	9.00	10.00	28.75	1
486	24006363	PHẠM THỊ THÙY TRANG	035198000586	28/05/1998	Nữ		2NT	9.60	8.75	9.00	28.25	1
487	26018393	PHAN THỊ HUYỀN TRANG	034199002928	05/10/1999	Nữ		2NT	9.40	9.25	9.50	29.25	1
488	25009383	PHAN THỊ MINH TRANG	036199004372	11/10/1999	Nữ		2NT	9.20	9.75	9.75	29.75	1
489	29022572	TRẦN HUYỀN TRANG	187796473	15/06/1999	Nữ		1	8.80	8.75	10.00	29.00	1
490	25018456	TRẦN THỊ TRANG	036199008565	25/06/1999	Nữ		2NT	8.60	9.00	10.00	28.50	1
491	28012340	TRỊNH THỊ QUỲNH TRANG	038199010718	02/03/1999	Nữ		2NT	9.00	9.25	9.25	28.50	1
492	28031276	TRỊNH THỊ TRANG	038199006904	06/06/1999	Nữ		1	9.40	9.25	8.25	28.50	1
493	15005811	VŨ QUỲNH TRANG	132379180	31/05/1999	Nữ		1	9.00	9.00	9.25	28.75	1
494	26007068	VŨ THỊ THU TRANG	152254512	25/09/1999	Nữ		2NT	8.60	9.00	9.75	28.25	1
495	23000389	NGÔ THỊ KIỀU TRINH	113724141	28/09/1999	Nữ		1	8.40	9.00	9.25	28.25	2
496	19007229	NGUYỄN THỊ THÙY TRINH	125908441	13/08/1999	Nữ		2NT	8.80	8.75	9.75	28.25	1
497	10007639	BÙI ĐỨC TRỌNG	082340275	28/04/1999	Nam		1	9.00	8.50	9.25	28.25	1
498	13000184	DƯƠNG ĐỨC TRUNG	061101695	30/08/1999	Nam		1	8.40	8.50	9.75	28.25	1
499	21001720	PHẠM ĐỨC TRUNG	142922513	12/05/1999	Nam		2NT	9.40	8.75	9.50	28.75	1
500	01046710	LÊ QUANG TRƯỜNG	001099010932	03/03/1999	Nam		2	9.80	8.50	9.50	28.25	3
501	28023622	LÊ VĂN TRƯỜNG	038099001785	01/08/1999	Nam		1	9.40	9.00	9.25	29.25	1
502	30005140	LÊ VĂN TRƯỜNG	184361624	18/11/1999	Nam		2	9.80	9.00	9.75	29.00	1
503	29027088	NGUYỄN THỊ CẨM Tú	187756179	10/02/1999	Nữ		2	9.00	9.25	9.75	28.50	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm UT (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
504	26015635	TÔ NGỌC TÚ	152251694	11/07/1999	Nam		2NT	9.40	9.00	9.00	28.50	2
505	29011152	VÕ MẠNH TÚ	187802385	10/12/1999	Nam		2NT	8.80	9.25	9.25	28.25	1
506	25013373	VŨ CẨM TÚ	036199007779	14/09/1999	Nữ		2NT	9.80	9.25	10.00	30.00	1
507	17012546	BÙI ANH TUẤN	022099001899	22/10/1999	Nam		1	9.40	9.00	9.75	29.75	1
508	28026696	HOÀNG NGỌC TUẤN	038099000572	28/09/1999	Nam		2NT	9.00	9.00	9.25	28.25	1
509	24000296	NGUYỄN ANH TUẤN	035099000463	21/10/1999	Nam		2	9.00	9.50	9.25	28.25	1
510	62001529	NÔNG MINH TUẤN	040487048	22/02/1999	Nam	01	1	8.40	9.00	9.00	30.00	1
511	31002199	TRẦN ANH TUẤN	044099001875	01/12/1999	Nam		1	9.40	8.75	9.75	29.50	1
512	21001740	LÊ VƯƠNG TÙNG	142922382	08/04/1999	Nam		2NT	9.80	8.75	8.75	28.25	1
513	14001308	NGUYỄN THANH TÙNG	051029020	29/03/1999	Nam		1	9.20	9.00	9.50	29.25	1
514	26011782	NGUYỄN THANH TÙNG	152247644	30/10/1999	Nam		2NT	9.60	9.75	9.75	30.00	1
515	26013403	NGUYỄN THANH TÙNG	034099003254	02/07/1999	Nam		2NT	9.20	9.00	9.50	28.75	2
516	16004872	TRẦN SƠN TÙNG	026099000174	25/08/1999	Nam		2NT	9.60	9.75	9.50	29.75	1
517	25009411	VŨ THANH TÙNG	036099003871	21/01/1999	Nam		2NT	9.60	9.00	9.50	29.00	1
518	22011076	ĐỖ HỮU TUYỀN	145871816	19/06/1999	Nam		2NT	9.80	8.25	9.50	28.50	1
519	28024230	LÊ THỊ TUYẾT	038199002443	13/09/1999	Nữ		1	8.80	9.25	9.00	28.50	1
520	26004767	NGUYỄN THỊ TUYẾT	034199001616	03/07/1999	Nữ		2NT	9.00	9.75	9.50	29.25	1
521	18016051	PHẠM HỒNG TUYẾT	122318636	04/12/1999	Nữ		2	9.20	9.25	9.50	28.50	1
522	28032386	TRỊNH ÁNH TUYẾT	038197001222	27/03/1997	Nữ		2NT	9.40	9.25	8.50	28.25	1
523	25000518	VŨ THỊ ÁNH TUYẾT	036199008395	09/07/1999	Nữ		2	9.40	9.00	9.75	28.75	1
524	15003322	HÀ THỊ UYÊN	132404681	19/11/1999	Nữ	01	1	8.60	8.75	8.25	29.00	2
525	29000903	LÊ THỊ TÚ UYÊN	187822948	11/07/1999	Nữ	06	2NT	9.60	8.75	9.50	29.75	1
526	52001196	NGÔ THỊ TÚ UYÊN	273642118	31/07/1999	Nữ		2	9.40	8.75	9.75	28.50	1
527	15005851	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	132378699	02/07/1999	Nữ		1	9.00	8.75	10.00	29.25	1
528	25011128	NGUYỄN THU UYÊN	036199001256	02/09/1999	Nữ		2NT	9.20	9.25	8.75	28.25	2
529	27005176	PHẠM THỊ THU UYÊN	164635288	21/10/1998	Nữ		2NT	9.20	8.75	9.50	28.50	1
530	22004416	ĐOÀN THỊ HƯƠNG VÂN	033199000941	09/08/1999	Nữ		2NT	8.60	8.50	10.00	28.00	1
531	01059126	DƯƠNG THỊ VÂN	001199017773	16/11/1999	Nữ		2	9.60	9.25	10.00	29.25	2
532	28018763	HẠ THỊ VÂN	174915584	25/01/1997	Nữ		2NT	9.40	9.25	10.00	29.75	2
533	26004775	NGUYỄN THANH VÂN	152249929	09/06/1999	Nữ		2NT	9.60	9.75	9.50	29.75	1
534	19008576	NGUYỄN THỊ VÂN	125910258	10/12/1999	Nữ		2NT	9.40	10.00	9.25	29.75	1
535	21003129	PHẠM THỊ CẨM VÂN	142931942	03/11/1999	Nữ		2NT	9.00	10.00	8.25	28.25	1
536	25007188	PHẠM THỊ HỒNG VÂN	036199006648	06/08/1999	Nữ		2NT	9.20	8.00	9.75	28.00	1
537	25000524	TRẦN NGUYỄN KHÁNH VÂN	036199008318	20/05/1999	Nữ		2	9.20	8.75	9.75	28.25	1

TT	SBD	Họ Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐT UT	KV UT	Điểm Toán học	Điểm Vật lý	Điểm Hóa học	Tổng điểm thi + Điểm UT (đã làm tròn)	NV trúng tuyển
538	29028794	TRẦN THỊ THANH VÂN	187808709	04/09/1999	Nữ		1	9.00	8.50	9.75	28.75	2
539	15008453	LÊ VĂN VIỆT	132421136	11/08/1999	Nam		1	9.00	9.25	10.00	29.75	1
540	38003535	PHAN HOÀNG VŨ	231203010	17/07/1999	Nam		1	9.40	9.25	8.25	28.50	1
541	28004552	CHU KIM XANG	038199003235	23/06/1999	Nữ		2	9.20	9.25	9.25	28.25	1
542	28018767	NGUYỄN ANH XUÂN	174916302	01/01/1998	Nam		2NT	9.00	8.75	10.00	28.75	1
543	01032564	LÊ VŨ MAI YÊN	001199020951	30/12/1999	Nữ		2	9.40	8.75	9.50	28.25	1
544	01051001	BÙI THỊ YẾN	017521162	28/01/1999	Nữ		2	9.60	8.75	10.00	28.75	1
545	29023421	HOÀNG THỊ YẾN	187717945	27/08/1999	Nữ		2NT	9.40	8.50	9.25	28.25	1
546	25013410	NGÔ THỊ HẢI YẾN	036199003753	21/07/1999	Nữ		2NT	9.00	9.00	9.25	28.25	1
547	24004616	NGUYỄN HẢI YẾN	035199001981	24/11/1999	Nữ		2NT	9.00	9.00	9.25	28.25	1

Ghi chú: thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học bằng cách nộp trực tiếp tại Trường hoặc qua bưu điện bằng thư chuyển phát nhanh trước 17 giờ ngày 07 tháng 8 năm 2017 (tính theo dấu bưu điện đối với trường hợp gửi chuyển phát nhanh) Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi trung học phổ thông quốc gia năm 2017.

Địa chỉ nhận xác nhận nhập học: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13, 15 Lê Thánh Tông - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Điện thoại liên hệ: 043.8264465.

Những thí sinh không nộp giấy tờ trên cho Trường trong thời gian quy định xem như từ chối nhập học.

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2017

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2017
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH, QL, ĐH**



★Nguyễn Thanh Bình